

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST

Ngày 25 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Phan

2. Ông Trần Văn Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lữ Văn N, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1993 tại xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình K và bà Lữ Thị S; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 21/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Ngày 30/12/2018 Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 18/3/2019 bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 20 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 24/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

2. Họ và tên: Lê Văn D, sinh ngày: 12/01/1988 tại xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G và bà Lê Thị T; có vợ là Trịnh Thị O (đã ly hôn) có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 12/3/2010 Lê Văn D bị Tòa án nhân dân Thành phố T xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong 10/11/2011.

- Ngày 30/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng. Ngày 04/11/2021.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 24/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

3. Họ và tên: Lê Văn Q, sinh ngày: 07/6/1993 phường A, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, phường A, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh G (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 30/3/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 41/2021/HSST.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng theo Bản án số 15/2018/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2023 đến ngày 24/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 13 giờ 00 phút ngày 15/12/2023 Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện N phối hợp với Công an xã T làm nhiệm vụ tuần

tra kiểm soát tại khu vực thôn T, xã C, huyện N phát hiện và bắt quả tang Lê Văn Q đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ 01 gói chất bột liên kết màu trắng trên người và 01 gói Q ném xuống đất nơi gần vị trí Q đứng, cả hai gói ma túy này bị cáo khai là ma túy vừa mua của Lê Văn D ở thôn P, xã S, huyện N. Cơ quan CSĐT Công an huyện N tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Q, thu giữ 01 điện thoại di động Nokia màu xanh đen, 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen và niêm phong túi ni lông màu vàng, bên trong là lớp giấy chứa các cục vụn màu trắng ngà đựng trong phong bì màu trắng, viền xanh đỏ được dán kín ký hiệu “M, N”.

Quá trình điều tra bị cáo Q khai nhận: Trưa ngày 15/12/2023 do có nhu cầu muốn sử dụng ma túy nên bị cáo sử dụng số điện thoại có số thuê bao 0869.537.883 gọi điện thoại đến số điện thoại 0976.853.553 cho Lê Văn D để hỏi mua 03 gói ma túy với giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), D đồng ý bán và hẹn Q gặp nhau ở Ngã 5, xã S, huyện N. Khi đến điểm hẹn Q đưa cho D số tiền 1.500.000đ sau đó D gọi điện thoại cho Lữ Văn N hỏi mua ma túy, N đồng ý bán và hẹn D vào khu vực núi gần nhà N (thuộc thôn C, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa). Khi đến nơi D mua của N 03 gói ma túy bọc bên ngoài bằng giấy ni lông màu vàng với giá 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng) rồi quay lại Ngã 5 bán cho Q. Mua được ma túy xong, Q đi đến khu vực cánh đồng thuộc thôn T, xã C, huyện N để sử dụng thì bị Tổ công tác thuộc Công an huyện N phối hợp với Công an xã C kiểm tra, Q lo sợ nên đã ném 02 gói ma túy xuống dưới chân, còn lại bị thu giữ 01 gói ma túy trên người. Cơ quan Công an đã tiến hành truy tìm đối với hai gói ma túy Q ném xuống đất nhưng chỉ thu giữ được 01 gói ni lông màu vàng, bên trong là lớp giấy chứa các cục vụn màu trắng ngà. Cơ quan Công an đã niêm phong gói giấy trên bằng phong bì viền xanh đỏ, được dán kín, ký hiệu “N”. Khám xét nơi ở của Lê Văn Q ở thôn Q, xã S, huyện N nhưng không thu giữ được gì thêm.

Chiều cùng ngày Lê Văn D đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Sau khi biết bị cáo D bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tối ngày 15/12/2023 Lữ Văn N cũng đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Bị cáo N khai nhận nguồn gốc số ma túy bán cho D là N mua của một người đàn ông lạ mặt ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình 04 gói ma túy với giá 2.000.000đ vào ngày 12/12/2023, mang về N sử dụng và chia thành các gói nhỏ để bán.

Ngày 18/12/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện N Quyết định trưng cầu giám định số 249/QĐTC-CSĐT, giám định loại chất chứa trong phong bì niêm phong ký hiệu là “M” và phong bì ký hiệu “N”.

Tại Kết luận giám định số 4612/KL-KTHS ngày 22/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,158g (*Không thấy một năm tám gam*), loại: Heroine.

- Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu N gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,069g (*Không thấy không sáu chín gam*), loại: Heroine.

Đối với người đàn ông lạ mặt ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình bán ma túy cho Lữ Văn N, Cơ quan CSĐT Công an huyện N chưa xác định được người này nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen vàng, biển kiểm soát 36C1-00199 mà bị cáo Q sử dụng để đi mua ma túy là của anh Nguyễn Quốc C (sinh năm 1990 trú tại phường A, Thị xã S, tỉnh Thanh Hóa), anh C không biết việc Q sử dụng xe mô tô của mình để đi mua ma túy. Xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh C theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS-HS ngày 01/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lữ Văn N và Lê Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo theo cáo trạng số 26/CT-VKSNC, ngày 01 tháng 4 năm 2024.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 BLHS đối với Lê Văn Q; đề nghị mức hình phạt từ 18 đến 22 tháng tù,

Áp dụng: khoản 1, 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS đối với Lữ Văn N và Lê Văn D; đề nghị xử phạt mỗi bị cáo mức hình phạt từ 30 đến 36 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bổ sung Lữ Văn N và Lê Văn D mỗi bị cáo từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ; Miễn hình phạt bổ sung cho Lê Văn Q.

Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, màn hình cảm ứng của bị cáo Lữ Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen (đã qua sử dụng) của bị cáo Lê Văn D và 01 điện thoại di động Nokia bàn phím cứng của bị cáo Lê Văn Q là phương tiện phạm tội. Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và truy thu số tiền bán ma túy mà có của D và N.

Các bị cáo nhận tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền trong các cơ quan tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được: Vào hồi 13 giờ 00 phút ngày 15/12/2023, tại khu vực thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an huyện N cùng Công an xã C làm nhiệm vụ đã phát hiện và bắt quả tang bị cáo Lê Văn Q đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 0,227g (*Không thấy hai hai bảy gam*), trong đó, thu trên người Q 01 gói ma túy có khối lượng là 0,158g (*Không thấy một năm tám gam*), loại: Heroine và thu giữ 01 gói ni lông màu vàng Q ném xuống đất có khối lượng là 0,069g (*Không thấy không sáu chín gam*), loại: Heroine.

Đối với Lê Văn D và Lữ Văn N: Chiều và tối ngày 15/12/2023 các bị cáo đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình là trưa ngày 15/12/2023 tại thôn C, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, D đã gọi điện thoại cho N từ số điện thoại của mình là 0976.853.553 đến số điện thoại của N là 0949.691.213 hỏi mua của Lữ Văn N 03 gói ma túy với giá 900.000đ và sau khi mua được ma túy D bán lại cho Lê Văn Q với giá 1.500.000đ. Về nguồn gốc số ma túy N khai mua của một người không quen biết ở huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình được 04 gói với giá 2.000.000đ vào ngày 12/12/2023, bị cáo mang về sử dụng dần và bán kiếm lời. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Các tội phạm về ma túy đang là vấn nạn trong đời sống xã hội, làm tha hoá về mặt đạo đức và lối sống của một bộ phận không nhỏ tầng lớp thanh thiếu niên, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tình hình tội phạm và các loại tệ nạn khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Văn Q và hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lê Văn D, Lữ Văn N với tổng khối lượng 0,227g (Không phải hai hai bảy gam), loại Heroin như kết luận giám định là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, mặc dù các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy và hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng vì thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy của bản thân và háms lợi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đủ cơ sở để HĐXX khẳng định hành vi của bị cáo Lê Văn Q cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS, hành vi của Lê Văn D và Lữ Văn N cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện N, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là chính xác.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 30/3/2021 Lê Văn Q bị Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; các bị cáo Lữ Văn N và Lê Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; sau khi phạm tội các bị cáo D và N ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn Q có 01 tiền án; Lê Văn D và Lữ Văn N không có tiền án, tiền sự nhưng cả 3 bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án các cấp xét xử nhưng các bị cáo không lấy đây làm bài học cho mình để cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và đều là người nghiện chất ma túy.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, HĐXX xét thấy: Cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, Áp dụng Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

[6] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo Lê Văn D và Lữ Văn N mua bán ma túy vì mục đích lợi nhuận nên phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp, Lê Văn Q không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm:

01 phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định là vật mà Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, màn hình cảm ứng của bị cáo Lữ Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen của bị cáo Lê Văn D và 01 điện thoại di động Nokia bàn phím cứng của bị cáo Lê Văn Q là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền D bán ma túy cho Q kiếm lời 1.500.000đ và tiền N bán ma túy cho D 900.000đ là tiền do phạm tội mà có, Cơ quan điều tra chưa thu giữ nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251 BLHS đối với Lê Văn D và Lữ Văn N; điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS đối với Lê Văn Q:

Tuyên bố: Các bị cáo Lữ Văn N và Lê Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Lê Văn Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: khoản 1, 5 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Lữ Văn N và Lê Văn D; điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đối với Lê Văn Q và Điều 329 BLTTHS đối với cả 3 bị cáo;

Xử phạt: Lê Văn Q **20** (Hai mươi) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/12/2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

Xử phạt: Lữ Văn N và Lê Văn D mỗi bị cáo **33** (Ba ba) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/12/2023. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung Lê Văn D và Lữ Văn N mỗi bị cáo 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS, các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS:

Tịch thu, tiêu hủy 01 phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định.

Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu xanh, màn hình cảm ứng của bị cáo Lữ Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen của bị cáo Lê Văn D và 01 điện thoại di động Nokia bàn phím cứng của bị cáo Lê Văn Q.

(Chi tiết vật chứng của vụ án được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa và Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa lập ngày 03/4/2024)

Truy thu đối với Lê Văn D số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) và Lữ Văn N số tiền 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc Lê Văn D, Lữ Văn N và Lê Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/4/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS N;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Tuyên

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thuận

Đỗ Ngọc Phan

Lê Xuân Tuyên

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS Nông Cống;
- Các bị cáo;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Tuyên